

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2022

Về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung
của vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Dung

2. Ông Nguyễn Đình Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa:
Vắng mặt.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Kim P, sinh năm: 1997;

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn TP1, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; hiện trú tại: Số 151/7 đường AC, phường HKB, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Đinh Công N, sinh năm 1985;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn TP1, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phú C, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ - NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và Giấy ủy quyền số 87/GUQ-NHCS ngày 31/12/2021 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam).

Tại phiên tòa, chị P, anh N có mặt; ông Trần Phú C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

1. Nguyên đơn chị Đồng Thị Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim P và anh Đinh Công N tự nguyện xác lập đời sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2015 tại UBND xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được. Nguyên nhân, theo chị P, là do bất đồng quan điểm sống, anh N không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không chăm lo kinh tế gia đình, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc; hiện tại, vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị P đưa con về sống cùng với gia đình chị tại số nhà 151/7 đường AC, phường HKB, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, anh N vẫn sinh sống tại xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Đinh Công N.

- Về con chung: Vợ chồng P và anh N có một con chung là Đinh Khả Như, sinh ngày 27/4/2019, hiện đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn, chị Quyên có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị Đồng Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P trình bày, hiện tại vợ chồng có vay tại Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam số tiền gốc 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/4/2027; quá trình vay vợ chồng chị thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng, trả lãi hằng tháng đúng hạn; chị P đề nghị Tòa án giải quyết khoản vay theo quy định pháp luật.

2. Bị đơn Đình Công N thống nhất với những lời trình bày của chị P về quá trình chung sống vợ chồng, kết hôn, có con chung và những mâu thuẫn hiện nay của vợ chồng.

- Về quan hệ hôn nhân, anh N trình bày, sau khi chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2015, vợ chồng sống cùng với gia đình anh tại thôn TP1, xã QT, huyện Nông Sơn. Tuy nhiên, đời sống vợ chồng của họ không được hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh N cho biết, anh chưa bao giờ nghĩ rằng vợ chồng anh ly hôn; và thực tế, nhiều lúc, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị P kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên anh N cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung, anh N cũng có nguyện vọng nuôi con chung là Đình Khả Như, sinh ngày 27/4/2019 cho đến khi cháu Khả Như thành niên và không yêu cầu anh chị P cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Anh Đình Công N thống nhất với lời trình bày của chị Đồng Thị Kim P về việc vợ chồng hiện nay có vay tại Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam số tiền gốc 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/4/2027; quá trình vay vợ chồng thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng, trả lãi hằng tháng đúng hạn và anh N đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng anh, mỗi người trả một nửa khoản vay.

3. Tại Đơn trình bày ngày 30/8/2022, ông Trần Phú C, là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Vào ngày 25/4/2022, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam có giải quyết cho hộ gia đình anh Đình Công N (vợ là Đồng Thị Kim P) vay số tiền 50.000.000 đồng, theo Mã hồ sơ khách hàng số 7081253109, lãi suất vay 7.92%/năm, thời hạn vay 60 tháng và hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 25/4/2027. Đối với khoản vay này, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn thống nhất để Hộ gia đình anh Đình Công N tiếp tục thực hiện hợp đồng vay, thực hiện các nội dung đã ký trong hợp đồng theo đúng thỏa thuận; trường hợp hộ gia đình anh Đình Công N vi phạm hợp đồng vay đã ký thì Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn khởi kiện để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Ông Trần Phú C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ được thu thập, có trong hồ sơ vụ án của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc công bố tài liệu chứng cứ tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất đoàn tụ vợ chồng để tiếp tục chung sống và xây dựng gia đình hạnh phúc

mà cùng đề nghị Tòa án giải quyết để họ được ly hôn. Về nội dung Đơn trình bày của ông Trần Phú C, là đại diện ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chị P và anh N thống nhất nội dung thỏa thuận vay, số tiền gốc và lãi phát sinh theo Đơn trình bày, không có ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cũng như không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đồng Thị Kim P khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đinh Công N, sinh năm 1985, trú tại thôn TP1, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Ông Trần Phú C, là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

- Về việc đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn không tham gia phiên tòa: Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn để nghiên cứu và phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa, vắng mặt Kiểm sát viên nên căn cứ Khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp nuôi con và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim P và anh Đinh Công N xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2015 tại UBND xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị P và anh N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo các bên thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống và tính cách nên vợ chồng hay cãi nhau và không qua tâm đến nhau, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị P và anh N có nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được; Tòa án đã hòa giải nhiều lần để họ đoàn tụ nhưng không thành; cả hai đều vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị P và anh N tự nguyện ly hôn, việc tự nguyện ly hôn của họ không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận để họ được ly hôn.

[2.2]. Về con chung:

- Về người trực tiếp nuôi con:

Xét điều kiện, khả năng thực tế trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị P và anh N thì thấy: Tại thời điểm giải quyết vụ án, theo các đương sự trình bày, anh Đinh Công N làm lao động phổ thông, nghề nghiệp thợ cơ khí tại địa phương, chị Đồng Thị Kim P đang làm công nhân may tại thành phố Đà Nẵng; lao động của cả hai người đều được xác định là lao động có thu nhập và hợp pháp; chị P và anh N đều không bị hạn chế quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Và, do đó, cả hai đều được xác định là có khả năng thực tế để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con khi ly hôn. Anh N và chị P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đinh Khả Như; họ không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chung, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mình có điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con tốt hơn đương sự khác và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ gì tại cơ quan, tổ chức nào. Xét thấy: Hiện nay cháu Đinh Khả Như còn nhỏ, mới ngoài 36 tháng tuổi; là cháu gái, cần có sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của người mẹ nhằm đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất, tâm thần và tình cảm của cháu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Đinh Khả Như, sinh ngày 27/4/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Khả Như thành niên khi chị P và anh N ly hôn là phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, quyền và lợi ích chính đáng của người mẹ và trẻ em theo chính sách pháp luật nhà nước.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng:

Chị P và anh N không yêu cầu Tòa án xem xét, phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, tại đơn trình bày ngày 30/8/2022, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết khoản nợ vay theo hồ sơ vay vốn ký giữa Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam với vợ chồng anh N và chị P. Xét thấy: Việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng anh N, chị P là tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp các bên có tranh chấp liên quan đến giao dịch vay nói trên thì được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Đồng Thị Kim P và anh Đinh Công N. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Giao cháu Đinh Khả Như, sinh ngày 27/4/2019 cho chị Đồng Thị Kim P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Khả Như thành niên.

Các đương sự không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Đồng Thị Kim P có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003051 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (*để thi hành*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã QT, huyện Nông Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc